

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

MÃ NGÀNH : 7220204

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-UEF ngày/...../2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**
- Tên tiếng Anh: **CHINESE LANGUAGE**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Biên phiên dịch tiếng Trung.
- Chuyên ngành 2. Văn hóa du lịch Trung Quốc.
- Chuyên ngành 3. Kinh tế - Thương mại.

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Chinese Language

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc thông thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Trung, nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ học, am hiểu văn hóa, có kỹ năng biên phiên dịch và các kỹ năng nghiệp vụ tốt, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ, có kỹ năng tin học, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc theo nhóm, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, học tập và làm việc tốt trong môi trường quốc tế, có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn. Sinh viên có thể tiếp tục theo học ở các cấp bậc cao hơn theo ngành Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh hoặc các ngành gần như Văn hóa học, Châu Á học, Đông phương học...

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- **PO1:** Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học (ngôn ngữ Trung) và các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đặc thù của các chuyên ngành hẹp;
- **PO2:** Có kiến thức về văn hóa cũng như vận dụng vào các tình huống giao tiếp, giảng dạy hoặc dịch thuật;

- **PO3:** Sử dụng tiếng Trung lưu loát trong các tình huống giao tiếp hằng ngày, trong công việc cũng như giao tiếp quốc tế;
- **PO4:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và mang tính quốc tế hóa;
- **PO5:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- **PO6:** Có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn;
- **PO7:** Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có lòng yêu nước.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2020.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 131 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	15	11,5 %
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36	27,5 %
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	35	26,7 %
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	29	22,1 %
1.4.1	Khoa học xã hội	6	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	Kiến thức đại cương khác	16	12,2 %
1.5.1	Ngoại ngữ 2 (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Hàn)	16	
1.5.2	Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy		
1.5.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		131	100,0 %

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành					15					
1.1.1	CHI1101	Nhập môn ngôn ngữ Trung	Introduction to Chinese Language	3	3					
1.1.2	CHI1102	Tiếng Trung: Viết 1	Chinese Writing 1	3	3					
1.1.3	CHI1103	Tiếng Trung: Đọc 1	Chinese Reading 1	3	3					
1.1.4	CHI1104	Tiếng Trung: Nghe 1	Chinese Listening 1	3	3					
1.1.5	CHI1105	Tiếng Trung: Nói 1	Chinese Speaking 1	3	3					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi					36					
1.2.1	CHI1106	Tiếng Trung: Viết 2	Chinese Writing 2	3	3					
1.2.2	CHI1107	Tiếng Trung: Đọc 2	Chinese Reading 2	3	3					
1.2.3	CHI1108	Tiếng Trung: Nghe 2	Chinese Listening 2	3	3					
1.2.4	CHI1109C	Tiếng Trung: Nói 2	Chinese Speaking 2	3	3					
1.2.5	CHI1110	Tiếng Trung: Viết 3	Chinese Writing 3	3	3					
1.2.6	CHI1111	Tiếng Trung: Đọc 3	Chinese Reading 3	3	3					
1.2.7	CHI1112	Tiếng Trung: Nghe 3	Chinese Listening 3	3	3					
1.2.8	CHI1113C	Tiếng Trung: Nói 3	Chinese Speaking 3	3	3					
1.2.9	CHI1114	Tiếng Trung: Viết 4	Chinese Writing 4	3	3					
1.2.10	CHI1115	Tiếng Trung: Đọc 4	Chinese Reading 4	3	3					
1.2.11	CHI1116C	Tiếng Trung: Nghe 4	Chinese Listening 4	3	3					
1.2.12	CHI1117C	Tiếng Trung: Nói 4	Chinese Speaking 4	3	3					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ					35					
1.3.1	CHI1118	Tiếng Trung: Viết 5	Chinese Writing 5	3	3					
1.3.2	CHI1119	Tiếng Trung: Đọc 5	Chinese Reading 5	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.3	CHI120C	Tiếng Trung: Nghe 5	Chinese Listening 5	3	3					
1.3.4	CHI121C	Tiếng Trung: Nói 5	Chinese Speaking 5	3	3					
1.3.5	CHI122	Văn hóa Trung Hoa	Chinese Culture	2	2					
1.3.6	CHI123C	Lịch sử Trung Quốc	History of Chinese	3	3					
1.3.7	CHI124C	Khẩu ngữ cao cấp	High quality speech	3	3					
1.3.8	CHI1337	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					3	
<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp</i>										
Chuyên ngành 1.		<i>Biên phiên dịch tiếng Trung</i>		<i>Chinese for Translation and Interpretation</i>						
1.3.9	CHI125C	Tiếng Hán hiện đại	Modern Chinese	3	3					
1.3.10	CHI126C	Kỹ thuật phiên dịch tiếng Trung (Dịch nói)	Techniques for Chinese interpretation	3	3					
1.3.11	CHI127C	Kỹ thuật biên dịch tiếng Trung (Dịch viết)	Techniques for Chinese translation	3	3					
1.3.12	CHI128C	Tiếng Hán cổ đại	Ancient Chinese	3	3					
1.3.13	CHI1438	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12				12		
Chuyên ngành 2.		<i>Văn hóa du lịch Trung Quốc</i>		<i>Chinese Tourism and Travel Culture</i>						
1.3.9	CHI129C	Đất nước học Trung Quốc	The country learns Chinese	3	3					
1.3.10	CHI130C	Văn hóa xã hội Trung Quốc	Chinese social culture	3	3					
1.3.11	CHI131C	Tiếng Trung du lịch ứng dụng	Chinese for Tourism	3	3					
1.3.12	CHI132C	Văn học Trung Quốc chọn lọc	Selected Chinese literature	3	3					
1.3.13	CHI1438	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12				12		
Chuyên ngành 3.		<i>Kinh tế - Thương mại</i>		<i>Chinese for Economics and Commerce</i>						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.9	CHI133C	Văn hóa kinh doanh Trung Hoa	Chinese corporate culture	3	3					
1.3.10	CHI134C	Nhập môn kỹ thuật ngoại thương	Introduction to foreign trade techniques	3	3					
1.3.11	CHI135C	Khẩu ngữ thương mại tiếng Trung	Spoken Chinese for Business	3	3					
1.3.12	CHI136C	Kỹ thuật viết thư tín thương mại tiếng Trung	Chinese commercial correspondence skills	3	3					
1.3.13	CHI1438	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				29						
1.4.1 Khoa học xã hội				6						
1.4.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnam Cultural Establishments	3	3					
1.4.1.2	SOC1101	Xã hội học	Sociology	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.3 Pháp luật				3						
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	3	3					
1.4.4 Tin học				3						
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3	2	1				

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.5 Thiết kế dự án				6						
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	3	3					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	3	3				SKI1107	
1.5 Kiến thức đại cương khác				19						
1.5.1 Ngoại ngữ 2 (Sinh viên chọn 1 trong 04 nhóm sau)				16						
Nhóm 1: Tiếng Anh										
1.5.1.1.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	4	4					
1.5.1.1.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	4	4					
1.5.1.1.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	4	4					
1.5.1.1.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	4	4					
Nhóm 2: Tiếng Nhật										
1.5.1.2.1	JPN2101	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	4	4					
1.5.1.2.2	JPN2102	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	4	4				JPN2101	
1.5.1.2.3	JPN2103	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	4	4				JPN2102	
1.5.1.2.4	JPN2104	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	4	4				JPN2103	
Nhóm 3: Tiếng Pháp										
1.5.1.3.1	FRA2101	Tiếng Pháp 1	French 1	4	4					
1.5.1.3.2	FRA2102	Tiếng Pháp 2	French 2	4	4				FRA2101	
1.5.1.3.3	FRA2103	Tiếng Pháp 3	French 3	4	4				FRA2102	
1.5.1.3.4	FRA2104	Tiếng Pháp 4	French 4	4	4				FRA2103	
Nhóm 4: Tiếng Hàn										
1.5.1.4.1	KOR1136	Tiếng Hàn 1	Korean 1	4	4					
1.5.1.4.2	KOR1137	Tiếng Hàn 2	Korean 2	4	4				KOR1136	
1.5.1.4.3	KOR1138	Tiếng Hàn 3	Korean 3	4	4				KOR1137	
1.5.1.4.4	KOR1139	Tiếng Hàn 4	Korean 4	4	4				KOR1138	

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.5.2. Giáo dục thể chất (<i>sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau</i>)										
		<i>Nhóm 1</i>								
1.5.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	1		1				
1.5.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	1		1				
1.5.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	1		1				
		<i>Nhóm 2</i>								
1.5.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	1		1				
		<i>Nhóm 3</i>								
1.5.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	1		1				
		<i>Nhóm 4</i>								
1.5.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	1		1				
1.5.3 Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)										
1.5.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education							

Ghi chú: Mã MH ký hiệu xxxxxxC – môn giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc.

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (xem trang cuối cùng)

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

Nhập môn ngôn ngữ Trung: 3 tín chỉ

Học phần Nhập môn ngôn ngữ Trung cung cấp cho sinh viên khối kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học Trung Quốc, với đối tượng người học tiếng Trung như một ngoại ngữ chính: Tìm hiểu về các thuật ngữ và các khái niệm về ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Trung Quốc, để nhận biết về các đặc trưng của ngôn ngữ học Trung Quốc. Học phần giúp sinh viên hiểu được hệ thống âm vị, âm vận, các phát âm chuẩn, và phương pháp phát âm chính xác tiếng Trung; có được kiến thức về hình vị học, hình thái học tiếng Trung, cấu tạo từ vựng và cấu trúc câu tiếng Trung, các quy tắc biến âm trong tiếng Trung.

Tiếng Trung: Viết 1: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung: Ngữ pháp-Viết 1 giúp cho sinh viên làm quen với bảng chữ Trung, nắm vững nguyên tắc cấu thành câu trong tiếng Trung và vận dụng được những mẫu câu căn bản. Kết thúc học phần sinh viên có thể nắm bắt được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất thông qua các mẫu hội thoại và các mẫu câu đa dạng được liệt kê trong giáo trình, có thể ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế viết và giao tiếp tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.

Tiếng Trung: Đọc 1: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Đọc 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ trình độ vỡ lòng, bắt đầu từ việc làm quen với hệ thống chữ cái của tiếng Trung trong những bài học đầu tiên. Các chủ đề chủ yếu đề cập đến khía cạnh bản thân, gia đình, trường học, ẩm thực, v.v.. được bố trí ở những không gian riêng tư và công cộng. Cấu trúc trong từng chủ đề được trình bày theo trình tự bắt đầu từ câu hỏi dẫn nhập, hình ảnh minh họa, bài luận, từ vựng, luyện tập từ vựng, câu hỏi và cuối cùng là phần đọc thêm.

Tiếng Trung: Nghe 1: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nghe 1 cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Trung Quốc: chào hỏi, trường học và nhà, gia đình và bạn bè, thức ăn, sinh hoạt hàng ngày. Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên đã làm quen với tiếng Trung được một thời gian ngắn.

Tiếng Trung: Nói 1: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nói 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về văn hóa xã hội của Trung Quốc xoay quanh các hoạt động thường nhật gồm các chủ đề (chào hỏi, giới thiệu bản thân, ngày tháng, cuộc sống Trung Quốc, thời tiết...), các câu nói thông dụng để sinh viên tiếp thu được kiến thức của phần tiếng Trung nhập môn. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.

Tiếng Trung: Viết 2: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung: Ngữ pháp-Viết 2 giúp sinh viên đã làm quen với tiếng Trung và phần nào vận dụng được những cấu trúc câu căn bản. Học phần 2 sẽ tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhất thông qua các mẫu hội thoại và các mẫu câu đa dạng có thể ứng dụng vào thực tế viết và giao tiếp tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.

Tiếng Trung: Đọc 2: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Đọc 2 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến các vấn đề văn hoá xã hội khá gần gũi với đời sống hàng ngày của người Trung thông qua cách ứng xử, giao tiếp, trải nghiệm ẩm thực, phong tục tập quán, v.v... Nội dung của giáo trình được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại đan xen, giúp người học không bị quá tải trong việc tiếp thu. Trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, bài tập, bài đọc thêm, luyện tập phát âm.

Tiếng Trung: Nghe 2: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nghe 2 cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nghe cơ bản. Giúp nắm ý chính để có thể trả lời, giải thích nội dung đoạn hội thoại. Rèn luyện khả năng xử lý tình huống trong giao tiếp đơn giản. Nghe hiểu, nghe bài khóa theo chủ đề lớn có nội dung xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Trung Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 1 (mua sắm, đi lại, điện thoại, thời tiết và 4 mùa, ngày nghỉ và kì nghỉ). Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên đã làm quen với tiếng Trung được một thời gian ngắn.

Tiếng Trung: Nói 2: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nói 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như chào hỏi, giới thiệu tên, giới thiệu về quê hương của mình,... Trong học phần này sinh viên sẽ được học các nội dung như gọi điện thoại cho ai đó, cách truyền đạt một vấn đề mà mình đã được nghe hoặc biết, cách gọi món ăn khi đi ăn nhà hàng hoặc gọi điện thoại đến nhà hàng đặt món và yêu cầu giao hàng, các sử dụng các phương tiện giao thông, hẹn gặp ai đó, xây dựng kế hoạch, nhờ vả ai, nói về gu sở thích của mình, v.v..

Tiếng Trung: Viết 3: 3 tín chỉ

Học phần Tiếng Trung: Ngữ pháp-Viết 3 cung cấp cho sinh viên các điểm ngữ pháp, mẫu câu và hội thoại phổ biến trong hoạt động đời sống hằng ngày như tự giới thiệu, tên các món ăn, mua sắm ở chợ, mời, lưu thông trên đường v.v... Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp cơ bản để nâng cao trình độ sơ cấp và đa dạng hóa các điểm ngữ pháp, giúp sinh viên có những ứng dụng đa dạng hơn trong các tình huống giao tiếp tiếng Trung.

Tiếng Trung: Đọc 3: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Đọc 3 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến cuộc sống cá nhân, văn hoá giao tiếp, phong tục tập quán, v.v.. được viết theo nhiều thể loại đa dạng như bút ký, ký sự, cảm nhận, thuyết trình, phỏng vấn, quảng cáo,... Các chủ đề nhỏ được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại, giúp người học có thể tập thích nghi với chúng; trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, tìm hiểu nội dung, bài đọc thêm.

Tiếng Trung: Nghe 3: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nghe 3 cung cấp cho sinh viên nội dung nghe xoay quanh các hoạt động thường nhật của du học sinh đang sống tại Trung Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 2: giới thiệu, món ăn Trung Quốc, chợ, mời, giao thông (tt). Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên có kiến thức tiếng Trung căn bản.

Tiếng Trung: Nói 3: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nói 3 cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: Lễ Tết, lễ nghi, quà tặng, đời sống đại học, phim ảnh, thư viện, v.v... Ngoài ra còn có các bài hội thoại trong giáo trình tham khảo cũng với các nội dung như trên. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày.

Tiếng Trung: Viết 4: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Ngữ pháp-Viết 4 cung cấp cho sinh viên các điểm ngữ pháp, mẫu câu và hội thoại phổ biến trong hoạt động đời sống hàng ngày như đến cơ quan công cộng, gọi điện thoại, đi bệnh viện, đi du lịch, việc trong nhà. v.v... Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp cơ bản tương ứng với trình độ sơ cấp 3, nâng cao và đa dạng hóa các điểm ngữ pháp, giúp sinh viên có những ứng dụng đa dạng hơn trong các tình huống giao tiếp tiếng Trung.

Tiếng Trung: Đọc 4: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Đọc 4 cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan đến cuộc sống cá nhân, văn hoá giao tiếp, phong tục tập quán... được viết theo nhiều thể loại đa dạng như bút ký, ký sự, cảm nhận, thuyết trình, phỏng vấn, quảng cáo... Các chủ đề nhỏ được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại, giúp người học có thể tập thích nghi với chúng; trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết. Trình tự ở các bài được bố trí cụ thể như sau: hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi mở, bài đọc chính, luyện tập từ vựng, tìm hiểu nội dung, bài đọc thêm.

Tiếng Trung: Nghe 4: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nghe 4 cung cấp cho sinh viên nội dung nghe xoay quanh các hoạt động thường đời sống Trung Quốc, tiếp theo các chủ đề đã học ở học phần 3: cơ quan công cộng, điện thoại, bệnh viện, du lịch, việc trong nhà, v.v... Các câu nói thông dụng dành cho những sinh viên có kiến thức tiếng Trung ở trình độ trung cấp.

Tiếng Trung: Nói 4: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nói 4 cung cấp cho sinh viên các mẫu hội thoại liên quan đến cuộc sống thường nhật như: làm tóc, đời sống du học, hỏi thăm, kế hoạch tương lai, so sánh đối chiếu, v.v... Ngoài ra còn có các bài hội thoại trong giáo trình tham khảo cũng với các nội dung như trên. Thông qua nội dung các bài học, sinh viên còn có thể tìm hiểu về văn hóa ứng xử và đời sống xã hội của người Trung Quốc. Nội dung các chủ đề và bài tập thực hành không những giúp sinh viên thực hành nói tiếng Trung mà còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng trình bày suy nghĩ cũng như bày tỏ ý kiến của bản thân về các tình huống thực tế trong cuộc sống hàng ngày.

Tiếng Trung: Viết 5: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Viết nâng cao cung cấp đến sinh viên các chủ đề chính liên quan đến lĩnh vực hay hoạt động nào đó trong sinh hoạt của người Hàn ở trình độ cao như: vấn đề xã hội Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc, kiến thức xã hội, v.v... và đưa ra quan điểm của bản thân với các vấn đề tương tự. Ngoài ra, để giúp sinh viên ôn tập lại những kiến thức đã học cũng như phát triển kỹ năng tư duy tổng hợp; giúp sinh viên làm quen với việc thi TOPIK môn Viết, khoảng 3~4 tuần, sinh viên sẽ có một buổi giải đề thi năng lực tiếng Trung ở trình độ Trung cấp (kỹ năng Viết).

Tiếng Trung: Đọc 5: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Đọc nâng cao cung cấp kiến thức để sinh viên hiểu sâu hơn về các thuật ngữ và kiến thức chuyên ngành phù hợp với trình độ của mình; kiến thức văn hóa xã hội trong nhiều lĩnh vực, theo từng chủ đề liên quan đến sinh hoạt cá nhân, đời sống văn hoá, đời sống kinh tế, lối sống hiện đại, văn hoá lễ hội hiện đại... được viết dưới nhiều thể loại đa dạng như bút ký, ký sự, cảm nhận, thuyết trình, phỏng vấn, thơ ca, phê bình... Các chủ đề nhỏ được biên soạn theo nhiều mức độ khó dễ khác nhau tùy theo thể loại, giúp người học có thể tập thích nghi với chúng; trước khi vào bài đọc chính thường có hình ảnh minh họa và phần câu hỏi dẫn nhập, giúp người học có thể tự hình dung và liên tưởng đến vấn đề cần giải quyết.

Tiếng Trung: Nghe 5: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nghe nâng cao cung cấp kiến thức để sinh viên hiểu sâu hơn về các thuật ngữ và kiến thức chuyên ngành phù hợp với trình độ của mình ứng với trình độ Trung – Cao cấp. Ngoài ra, để giúp sinh viên ôn tập lại những kiến thức đã học cũng như phát triển kỹ năng nghe tổng hợp; giúp sinh viên làm quen với việc thi năng lực tiếng Trung môn nghe, khoảng 3~4 tuần, sinh viên sẽ được nghe và giải 1 đề thi HSK ở trình độ Trung - Cao cấp.

Tiếng Trung: Nói 5: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung: Nói nâng cao chủ yếu tập trung luyện tập hội thoại cho sinh viên với nội dung tương ứng với trình độ trung cấp bậc 2 như: thể hiện suy nghĩ của bản thân, nói lên ý kiến của mình, đưa ra lời khuyên hoặc đề nghị cho người khác,...v.v ứng với từng hoàn cảnh giao tiếp thực tế. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, từ vựng về các chủ đề đa dạng như: tính cách, sở thích, quảng cáo, du lịch,... ở mức độ khó hơn, đa dạng hơn. Ngoài ra, thông qua những tài liệu bổ trợ, sinh viên còn được làm quen với văn hóa và đời sống xã hội của người Trung Quốc, từ đó đưa ra những suy nghĩ về cảm nhận của bản thân bằng những cách nói từ trình độ trung cấp đến nâng cao nhằm đa dạng hóa các mẫu hội thoại, giúp sinh viên có những ứng dụng đa dạng và hiệu quả hơn trong các tình huống giao tiếp tiếng Trung.

Văn minh Trung Hoa: 2 tín chỉ.

Học phần Văn minh Trung Hoa tập trung vào những nét văn hóa đặc sắc của Trung Quốc gồm: triết học và tôn giáo Trung Quốc, ẩm thực Trung Quốc, văn học Trung Quốc, hội họa Trung Quốc, âm nhạc Trung Quốc, lễ Tết Trung Quốc trang phục Trung Quốc, kiến trúc Trung Quốc, phát minh Trung Quốc v.v... Thông qua các kiến thức phong phú được giảng giải, tìm hiểu, thảo luận trên học đường, học phần này nâng cao tri thức và sự hiểu biết của sinh viên về văn hóa ngôn ngữ Trung Quốc, góp phần đa dạng hóa kiến thức nền về văn hóa của sinh viên.

Lịch sử Trung Quốc: 3 tín chỉ.

Học phần lịch sử Trung Quốc cung cấp cho sinh viên kiến thức lịch sử Trung Quốc từ thời kỳ cổ xưa đến thời kỳ cải cách mở cửa, giúp sinh viên có một cái nhìn hệ thống và tổng thể về lịch sử cổ đại đến lịch sử hiện đại của Trung Quốc, làm quen với các sự kiện lịch sử trọng đại và nhân vật lịch sử, nắm bắt các đặc điểm cơ bản các triều đại Trung Quốc và xu thế phát triển của các giai đoạn lịch sử, hiểu rõ nguyên nhân lịch sử Trung Quốc cận đại bước vào giai đoạn nửa thực dân nửa phong kiến và quá trình chuyển biến từ giai đoạn bế quan tỏa cảng đến cải cách mở cửa, chuyển biến từ thời Quân Chủ Chuyên Chế đến Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, chuyển biến từ lạc hậu đến độc lập tự chủ. Học phần với nội dung giảng dạy của giảng viên là cơ bản, các phương pháp dạy truyền thông là phụ đạo, đi kèm là các cuộc thảo luận và hoạt động trên và ngoài giảng đường.

Khẩu ngữ cao cấp: 3 tín chỉ.

Học phần khẩu ngữ cao cấp nâng cao một cách toàn diện và tự nhiên khả năng diễn đạt ngôn ngữ tiếng Trung, đặc biệt là khả năng diễn đạt phân đoạn từng tầng lớp ý nghĩa của tư tưởng, giúp sinh viên có thể vận dụng một cách chính xác những bối cảnh miêu tả tiếng Trung và những sự vật sự việc trừu tượng, ứng dụng một cách lưu loát và nghệ thuật trong giao tiếp hằng ngày và diễn đạt một cách linh hoạt trong nhiều lĩnh vực đời sống như văn hóa, môi trường, khoa học kỹ thuật, pháp luật, kinh tế, chính trị, văn học, quốc tế v.v... Phương pháp giảng dạy dựa trên cơ sở thảo luận, khảo sát, phỏng vấn, diễn thuyết và biện luận.

Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ.

Học phần Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề tài tốt nghiệp.

Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ.

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện nhằm mục đích giúp sinh viên thâm nhập vào môi trường thực tế để nâng cao nhận thức vai trò và trách nhiệm đối với ngành nghề mình đang theo đuổi; tiếp cận và làm quen với các công việc liên quan đến chuyên môn tiếng Trung mình đang theo đuổi. Nội dung công việc trong thời gian thực tập mà sinh viên phải thực hiện như tham gia các công việc mà đơn vị thực tập phân công, tìm hiểu cơ quan, đơn vị cùng với những hoạt động liên quan đến chuyên ngành, biết cách tổ chức công việc cá nhân và theo nhóm.

Tiếng Hán hiện đại: 3 tín chỉ.

Học phần tiếng Hán hiện đại cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản từ sự phân tích và nghiên cứu của góc độ ngôn ngữ học. Học phần này chủ yếu do năm bộ phận chính hợp thành, gồm ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp và tu từ. Học phần cũng bao gồm những tri thức về quy luật hình thành cấu tạo của tiếng Hán hiện đại và phương pháp nghiên cứu tiếng Hán hiện đại. Sinh viên được nâng cao kỹ năng cơ bản, bồi dưỡng và phát triển năng lực lý giải, phân tích và ứng dụng tiếng Hán hiện đại.

Kỹ thuật phiên dịch tiếng Trung (Dịch nói): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kỹ thuật phiên dịch tiếng Trung. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết và thực hành. Phần thực hành: Thực hành biên dịch văn bản trong các tình huống cụ thể, biên dịch văn bản trong các sự kiện ở các lĩnh vực đa dạng với cấp độ bài luyện dịch đi từ dễ đến khó, với nội dung đa dạng bao gồm những chủ đề đời sống thường nhật, xã hội, kinh tế, du lịch v.v...

Kỹ thuật biên dịch tiếng Trung (Dịch viết): 3 tín chỉ.

Học phần kỹ thuật biên dịch tiếng Trung (dịch viết) nâng cao năng lực diễn đạt trong tiếng Trung của sinh viên, giúp sinh viên nắm bắt được các kỹ năng phiên dịch phức tạp: sự dịch thuật trong từ ngữ tiếng Trung và sự dịch thuật trong mẫu câu Tiếng Trung, qua đó so sánh sự khác biệt trong ngữ pháp tiếng Việt và tiếng Trung. Học phần này còn bồi dưỡng cho sinh viên khả năng tích cực vận dụng những từ vựng và mẫu câu theo văn phong Trung Quốc như vận dụng động từ, thành ngữ, câu kiêm ngữ v.v... trong quá trình biên dịch.

Tiếng Hán cổ đại: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Hán cổ đại cung cấp những kiến thức cơ bản về văn tự, từ vựng, ngữ pháp, tu từ, âm vận v.v... trong tiếng Hán cổ đại, sinh viên có được một cái nhìn khái quát về tiếng Hán cổ đại và bước đầu tìm hiểu về hệ thống các quy luật phát triển của tiếng Hán, từ đó sinh viên có thể đọc hiểu các một số văn bản cổ thời kỳ Tiền Tần đến Đường Tống. Học phần này còn bồi dưỡng kỹ năng dịch thuật từ văn cổ sang văn hiện đại trên cơ sở ngôn ngữ vốn có, hình thành thói quen sử dụng những tri thức về Hán cổ để giải quyết các vấn đề cụ thể trong dịch thuật.

Đất nước học Trung Quốc: 3 tín chỉ.

Học phần Đất nước học Trung Quốc cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc. Sự phân bố của các dân tộc trên toàn quốc; đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của từng vùng; có sự so sánh giữa các địa phương, các dân tộc với nhau. Sau khi học học phần này, sinh viên sẽ có kiến thức khái quát về những nét đặc trưng của từng vùng miền tại Trung Quốc.

Văn hóa xã hội Trung Quốc: 3 tín chỉ.

Học phần Văn hóa xã hội Trung Quốc cung cấp cho sinh viên cái nhìn cụ thể và chi tiết về các phương diện của văn hóa xã hội Trung Quốc, bao gồm khái quát Trung Quốc, đặc điểm địa lý, tình hình nhân khẩu, thành tựu và các sự kiện tiêu biểu lịch sử, dân tộc, di tích danh lam thắng cảnh văn hóa lịch sử v.v... Trung Quốc là quốc gia rộng lớn, nhân khẩu đông đúc, dân tộc đa dạng, địa danh phong cảnh phong phú, mỗi nơi đều có nét đặc sắc riêng biệt, học phần này có ý nghĩa quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành Văn hóa du lịch Trung Quốc.

Tiếng Trung du lịch ứng dụng: 3 tín chỉ.

Học phần Tiếng Trung du lịch ứng dụng cung cấp cho sinh viên kiến thức về tiếng Trung du lịch và ứng dụng vào các hoạt động giao tiếp cụ thể. Nội dung chính của học phần bao gồm tiếng Trung du lịch ứng dụng trong các lĩnh vực như: nhà hàng, khách sạn, tuyến điểm du lịch, loại hình du lịch, du lịch lễ hội, v.v... Trong quá trình học, sinh viên học được các kỹ năng ứng dụng như: xây dựng các kế hoạch du lịch cho đối tượng là người Trung, kỹ năng giao tiếp với khách du lịch ở các tình huống cụ thể, v.v...

Văn học Trung Quốc chọn lọc: 3 tín chỉ.

Học phần Văn học Trung Quốc chọn lọc cung cấp sinh viên những đặc điểm văn học chủ yếu của các triều đại và hệ thống phát triển của văn học Trung Quốc thông qua các tác phẩm văn học kinh điển của Trung Quốc như thi ca, tiểu thuyết, tản văn v.v... Sinh viên tiếp thu được các giá trị nghệ thuật và thời đại, hiểu biết về tình hình thực tế cuộc sống xã hội và con người Trung Quốc cổ đại, đương đại và hiện đại, từ đó nắm bắt được các hình thức biểu đạt ngôn ngữ Trung Quốc qua các giai đoạn, đặc biệt là các ngôn từ trong khẩu ngữ và vận dụng vào cuộc sống thực tế.

Văn hóa kinh doanh Trung Hoa: 3 tín chỉ.

Học phần Văn hóa kinh doanh Trung Hoa hướng dẫn cho sinh viên hiểu được những nguyên lý nên tuân thủ trong kinh doanh, đạo trong kinh doanh, triết học của doanh nhân, sự tinh chọn, kế thừa và phát triển trong văn hóa kinh doanh Trung Hoa, giúp sinh viên nắm được quá trình phát triển của thương nghiệp cổ đại, so sánh môi trường kinh doanh đương đại, đặc biệt văn hóa tinh thần trong thương mại. Học phần còn bồi dưỡng cho sinh viên năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý kinh doanh, để sinh viên có nền tảng vững chắc về văn hóa kinh doanh Trung Hoa.

Nhập môn kỹ thuật ngoại thương: 3 tín chỉ.

Học phần Nhập môn kỹ thuật ngoại thương trang bị cho sinh viên các kiến thức về việc trao đổi và giao dịch với đối tác là công ty, khách hàng bằng tiếng Trung, nội dung môn học được thiết kế dựa trên những chủ đề trao đổi hay giao dịch trong nội bộ hay bên ngoài công ty, xí nghiệp. Cụ thể như giới thiệu mặt hàng với khách hàng, xin lịch hẹn làm việc hay xin xác nhận lịch đến làm việc với công ty đối tác, báo cáo nội dung làm việc v.v.... Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản về các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc nhằm bổ sung kiến thức kinh tế - thương mại cho sinh viên khi ra trường xin việc.

Khẩu ngữ thương mại tiếng Trung: 3 tín chỉ.

Học phần Khẩu ngữ thương mại tiếng Trung cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ thương mại của bối cảnh kinh tế Trung Quốc, giúp sinh viên hiểu về bối cảnh văn hóa về xã hội và kinh tế của Trung Quốc; các tình huống có thể sẽ xuất hiện trong các hoạt động thương mại... Trên cơ sở đó hiểu và vận dụng các thuật ngữ và những mẫu câu điển

hình thường dùng trong thương mại, nắm bắt các đặc điểm ngôn từ và các phương pháp diễn đạt trong thương mại tiếng Trung, bồi dưỡng kỹ năng khẩu ngữ của sinh viên, khả năng ứng biến nhanh trong các tình huống thương mại. Từ đó nâng cao năng lực giao tiếp thương mại của sinh viên.

Kỹ thuật viết thư tín thương mại tiếng Trung: 3 tín chỉ.

Học phần Kỹ thuật viết thư tín thương mại bằng tiếng Trung trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngôn ngữ để soạn thảo thư tín và văn bản trao đổi thương mại bằng tiếng Trung, cụ thể như: mẫu văn bản, thư tín trong đời sống; mẫu văn bản, thư tín trong các lĩnh vực: giao dịch thương mại thông thường, văn bản trao đổi trong công ty – doanh nghiệp, các loại báo cáo – thư mời – thông báo ... trong cơ quan hành chính và doanh nghiệp Trung Quốc. Ở học phần này, sinh viên có thể hiểu các thuật ngữ hành chính, các khái niệm và cách biểu đạt ngôn từ trong văn bản thư tín tiếng Trung, hiểu biết về các loại mẫu thư tín văn bản hành chính tiêu biểu của Trung Quốc, vận dụng kiến thức ngôn ngữ Trung Quốc ở bậc Trung cấp để soạn thảo các mẫu văn bản hành chính điển hình của Trung Quốc.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 3 tín chỉ.

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Môn học xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Môn học trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.

Xã hội học: 3 tín chỉ.

Học phần xã hội học đại cương trình bày những nội dung cơ bản của Xã hội học: đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản của Xã hội học; Một số nhà xã hội học kinh điển và hiện đại với những quan điểm lý thuyết của họ đóng góp vào sự phát triển của Xã hội học; Giới thiệu hướng tiếp cận lý thuyết của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu xã hội và phương pháp nghiên cứu xã hội học.

Triết học Mác-Lênin: 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 2 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối

tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình phát triển của Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ.

Nội dung chương trình môn học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CSVN): 2 tín chỉ.

Nội dung: Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)..

Pháp luật đại cương: 3 tín chỉ.

Học phần Lý luận về Nhà nước nghiên cứu hiện tượng Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Max- Lenine. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước: nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

Tin học đại cương: 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

Project design 1 (Thiết kế dự án 1): 3 tín chỉ.

Học phần Thiết kế dự án I đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

Project design 2 (Thiết kế dự án 2): 3 tín chỉ.

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát như cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

Tiếng Anh 1: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

Tiếng Anh 2: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề

quen thuộc như các vấn đề liên quan đế cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại.

Tiếng Anh 3: 04 tín chỉ

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiên trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hàng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

Tiếng Anh 4: 04 tín chỉ

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Nhật 1: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Nhật. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được Hiragana và Katakana; Xưng hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

Tiếng Nhật 2: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học: は、も、で、に、を、へ; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.

Tiếng Nhật 3: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân.

Tiếng Nhật 4: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giao tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Biết cách chia thể τ và ứng dụng thể τ vào ngữ pháp đã học; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị.

Tiếng Pháp 1: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân.

Tiếng Pháp 2: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần Tiếng Pháp 1.

Tiếng Pháp 3: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp.

Tiếng Pháp 4: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Pháp, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Hàn 1: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Hàn. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được bảng chữ cái Kanata; Xung hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

Tiếng Hàn 2: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.

Tiếng Hàn 3: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc,

tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình trong các tình huống giao tiếp tương đối phức tạp.

Tiếng Hàn 4: 04 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giáo tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình, giao tiếp xã hội và trong công việc ở mức độ khá phức tạp.

Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 3 tín chỉ.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 165 tiết (05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020).

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Chương trình đào tạo này áp dụng từ khóa tuyển sinh **năm 2020**.
2. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, Khoa quản lý.
3. Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa, trung tâm, đơn vị quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với bản đặc tả trong chương trình đào tạo.
4. Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định liên quan hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trường Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế, Trường ngành phụ trách đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần Khoa, Trường ngành đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

6. Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (những thay đổi nhỏ như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá) và rà soát 02 năm một lần (chủ yếu xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần) để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.